

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/DS-PT

Ngày 04 -12-2020

V/v tranh chấp phường, họ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLPT-DS ngày 15-10-2020 về tranh chấp phường, họ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn V, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh N;

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh N;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1967; Hộ khẩu thường trú: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh N; Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N, huyện H, tỉnh N;

2. Anh Lê Đức H , sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh N..

3. Chị Đỗ Thị K , sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N , huyện N, tỉnh N;

- Người đại diện theo ủy quyền của Chị Đỗ Thị K . Anh Lê Văn V, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 22, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh N.. (Văn bản ủy quyền ngày 27-10-2020).

Tại phiên toà phúc thẩm: Có mặt anh V, Chị L, anh Hùng, chị K . Vắng mặt bà Tám có lý do.

NỘI DUNG VỤN:

* Tại đơn khởi kiện ngày ngày 12 tháng 02 năm 2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Lê Văn V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Chị Đỗ Thị K trình bày:

Vợ chồng anh và Chị Vũ Thị L, Bà Hoàng Thị T là người cùng xóm. Ngày 28-8-2017 (âm lịch) tức 17-10-2017 (dương lịch), vợ chồng anh có tham gia chơi Phường do Chị Vũ Thị L làm chủ. Phường có tổng số là 31 suất, mỗi suất mỗi tháng đóng 3 triệu đồng. Phường đóng tiền và rút tiền đều vào ngày 28 âm lịch hàng tháng, ai rút phường trước thì sau đó những tháng tiếp theo phải đóng là 3.600.000đ, trong đó có 600.000đ là tiền lãi. Chị L là chủ Phường và là người quản lý danh sách những người tham gia chơi và rút phường. Những người tham gia chơi Phường đóng tiền phường và tiền lãi cho Chị L, Chị L có trách nhiệm trả tiền cho người rút Phường và tiền lãi cho người chưa rút. Vợ chồng anh đã tham gia phường của Chị L là 01 suất và đã đóng được 19 kỳ, số tiền là 19 kỳ x 3.000.000đ = 57.000.000đ và số tiền lãi được trả là 600.000đ x 19 = 11.400.000đ.

Số tiền đóng phường cho Chị L, vợ chồng anh đã nhờ Bà Hoàng Thị T đóng hộ, Chị L đều biết việc này vì tháng 2 năm 2019, anh có xuống nhà Chị L xin rút phường vào tháng 3 năm 2020 thì Chị L đã đồng ý cho vợ chồng anh rút, nhưng sau đó lại lùi sang tháng 4 tháng 2020, nên vợ chồng anh đã đóng suất phường kỳ 20 vào tháng 4 năm 2020 trực tiếp cho vợ chồng Chị L. Nhưng sau đó Chị L tuyên bố dừng phường và trả lại tiền phường kỳ 20 cho vợ anh. Mặt khác giữa vợ anh và Chị L có trao đổi tin nhắn qua điện thoại, Chị L cũng biết và đồng ý cho vợ chồng anh rút phường.

Nay anh yêu cầu Chị L phải trả lại cho cho vợ chồng anh số tiền đã đóng phường là 19 kỳ đóng x 3 triệu đồng = 57.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 8 năm 2017 là 19 kỳ x 600.000đ = 11.400.000 đồng. Tổng số tiền Chị L phải trả là 68.400.000 đồng.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn Chị Vũ Thị L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Anh Lê Đức H trình bày:

Tháng 8 năm 2017 chị có làm chủ phường tổng 31 suất, mỗi suất mỗi tháng đóng 3 triệu đồng, suất nào rút rồi thì mỗi tháng đóng 3.600.000đ. Trong đó Bà Hoàng Thị T tham gia chơi 06 suất, mỗi suất đã đóng được 19 kỳ, 02 suất đã rút, còn lại 04 suất chưa rút. Chị không nhất trí thanh toán một 01 suất phường của bà Tám đã đóng cho vợ chồng anh V, mà chỉ có trách nhiệm thanh toán tiền đã đóng phường và tiền lãi cho Bà Hoàng Thị T, vì chị không biết việc bà Tám nộp tiền phường thay cho vợ chồng anh Vinh. Vợ chồng chị có nhận tiền đóng phường kỳ thứ 20 của vợ chồng anh V nhưng đã trả lại cho vợ chồng anh V rồi. Giữa chị và vợ anh V là chị K có nhắn tin qua điện thoại như tài liệu anh V xuất trình nhưng nội dung tin nhắn là nếu bà Tám vẫn tiếp tục chơi phường vẫn đóng tiền thì chị sẽ giao tiền phường rút cho bà Tám và bà Tám giao cho ai thì tùy bà Tám, chị không đồng ý cho ông Vinh rút phường.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị T vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 30-5-2020 xác nhận Chị Vũ Thị L là chủ phường, phường có 31 suất và bà đã đóng hộ tiền chơi phường cho vợ chồng anh V 01 suất. Bà Hoàng Thị T đồng ý cho vợ chồng anh V có quyền yêu cầu Chị Vũ Thị L trả tiền đóng phường và tiền lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Căn cứ các Điều 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 365 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phườg; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Lê Văn V và Chị Đỗ Thị K số tiền gốc đã đóng phường là 57.000.000đ và tiền lãi phường là 11.400.000đ. Tổng số tiền là 68.400.000đ (sáu mươi tám triệu bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án.

Ngày 23-8-2020 Chị Vũ Thị L là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án: Không chấp nhận nội dung của bản án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa lại toàn bộ nội dung bản án theo hướng bác đơn khởi kiện của anh Lê Văn V .

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Chị Vũ Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của Chị Vũ Thị L về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa lại toàn bộ nội dung bản án theo hướng bác đơn khởi kiện của anh Lê Văn V :

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa, bà Tám đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh đã có đơn xin vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của bà Tám là có lý do chính đáng. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Tám.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các lời khai của Chị Vũ Thị L, anh Lê Văn V và Bà Hoàng Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, tại cơ quan Công an huyện Nam Trực điều trình bày: Ngày 28-8-2017 (âm lịch) tức 17-10-2017 (dương lịch), Chị Vũ Thị L có tổ chức thành lập một phường tiền do Chị L làm chủ. Phường có tổng số là 31 suất, mỗi suất mỗi tháng đóng 3 triệu đồng. Phường đóng tiền và rút tiền đều vào ngày 28 âm lịch hàng tháng, ai rút phường trước thì sau đó những tháng tiếp theo phải đóng là 3.600.000đ, trong đó có 600.000đ là tiền lãi nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Hoàng Thị T tham gia chơi phường do Chị Vũ Thị L làm chủ hội tổng số 6 suất, đã lĩnh hội hai suất, còn 4 suất chưa lấy, trong đó có một suất mà vợ chồng Anh Lê Văn V, Chị Đỗ Thị K cho rằng Bà Hoàng

Thị T nộp hộ. Căn cứ vào các tài liệu do anh V cung cấp, nội dung tin nhắn giữa chị K (vợ anh Vinh) với Chị L về việc rút phường, có nội dung thể hiện Chị L đồng ý cho vợ chồng anh V rút tiền phường. Ngoài ra vợ chồng Chị L đều thừa nhận tháng 4 năm 2019, có nhận tiền đóng phường kỳ thứ 20 của vợ chồng anh V nộp. Tại bản tự khai ngày 30-5-2020 Bà Hoàng Thị T đồng ý cho vợ chồng anh V được lấy suất tiền phường do Chị Vũ Thị L làm chủ; Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định vợ chồng anh V có tham gia chơi phường do Chị Vũ Thị L làm chủ và nhờ Bà Hoàng Thị T nộp hộ, vợ chồng Chị L đều biết sự việc này đã được chứng minh bằng lời trình bày của Chị L tại biên bản phiên tòa hình sự ngày 19 tháng 9 năm 2019; hơn nữa Bà Hoàng Thị T ngoài việc xác nhận đã nộp hộ tiền phường cho vợ chồng anh V mà còn đồng ý để cho vợ chồng anh V lấy tiền phường ở vợ chồng Chị Vũ Thị L. Tại phiên tòa phúc thẩm Chị L cũng thừa nhận nghề nghiệp chính của bà Tám làm ruộng, có mức thu nhập thấp, tại bản tường trình và lý do kháng cáo của Chị L trình bày bản thân bà Tám có tham gia 4 phường tiền do Chị L làm chủ hội mỗi tháng phải đóng tiền phường là 65.600.000đ và tham gia một phường vàng 1,5 suất, mỗi lần đóng phường là 3 chỉ, một năm đóng ba lần. Vì vậy, có cơ sở để khẳng định bà Tám không thể có đủ kinh tế để cùng một lúc tham gia chơi nhiều phường tiền, vàng như vậy được mà trong số những xuất phường này bà Tám đứng tên nhưng thực chất là đóng phường hộ cho một số người khác trong đó có đóng hộ một suất phường tiền cho vợ chồng anh Lê Văn V và Chị Đỗ Thị K. Qua những phân tích nêu trên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V cần buộc vợ chồng Chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ anh Lê Văn Vinh và Chị Đỗ Thị K số tiền là 68.400.000 đồng (trong đó 57.000.000đ tiền đóng phường của 19 suất và tiền lãi phường là 11.400.000đ) là phù hợp với các quy định tại Điều 365, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ. Chị L và anh Hùng cho rằng chỉ có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho Bà Hoàng Thị T là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Chị Vũ Thị L.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Chị Vũ Thị L không được chấp nhận nên cần buộc Chị L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền Chị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000236 ngày 24-8-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định sẽ được đối trừ vào số tiền án phí phúc thẩm Chị L phải nộp.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của Chi Vũ Thị L. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 365, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phườg; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn V. Buộc vợ chồng Chị Vũ Thị L và anh Lê Văn H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho vợ chồng anh Lê Văn V và Chị Đỗ Thị K số tiền gốc đã đóng phường là 57.000.000đ và tiền lãi phường là 11.400.000đ. Tổng cộng số tiền là 68.400.000đ (sáu mươi tám triệu bốn trăm đồng).

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị L và Anh Lê Đức H phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.420.000đ (ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại cho anh Lê Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001123 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. **Án phí dân sự phúc thẩm:** Chị Vũ Thị L phải nộp là 300.000đ, nhưng được đối trừ với số tiền Chị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai số AA/2019/0000236 ngày 24-8-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lại Văn Tùng